TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:445/2018/DSST.
Ngày: 02/10/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Khương.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến, cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 02 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 656/2017/TLST-DS, ngày 21/11/2017, về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2018/QĐST-DS ngày 29/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2018/QĐST-DS ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: đường N, Phường N, Quận B, Tp.HCM.

Đại diện ủy quyền: Ông Đào Văn Q, sinh năm 1965; địa chỉ: đường C, Phường M, Quận B, Tp.HCM;(C*ó mặt*).

Bị đơn: Bà Nguyễn Lương K – sinh năm: 1977; địa chỉ: đường L, Phường B, quận G, Tp.HCM; tạm trú: đường T, Phường B, quận G, Tp.HCM, (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A ông Q trình bày: Ngày 05/8/2011 Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Nguyễn Lương K hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, số thẻ 4791392600021097 thời hạn sử dụng từ tháng 8/2011 đến tháng 8/2014. Ngày 27/6/2012 Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng, hình thức tín chấp với số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay

là 48 tháng từ ngày 27/6/2012 đến 27/6/2016. Lãi suất trong hạn là 1,12% tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 291.936.554 đồng. Trong quá trình từ ngày kích hoạt sử dụng thẻ bà K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 310.493.810 đồng. Sau đó, bà K không trả nữa Ngân hàng đã nhắc nhở, làm việc nhiều lần. Tính đến ngày 31/8/2017 bà K còn nợ số tiền gốc là 82.186.571 đồng và tiền lãi quá hạn là 81.161.590 đồng. Tổng cộng là 163.3483161 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng vay số tiền là 200.000.000 đồng, bà K đã trả được 151.608.000 đồng đến ngày 22/6/2015 bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 13/11/2015 Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/8/2017 bà K còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 48.392.000 đồng, lãi trong hạn là 5.079.333 đồng, lãi quá hạn là 18.854.496 đồng, tiền phạt 200.000 đồng. Tổng cộng là 72.525.829 đồng. Nay, Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà K trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn thiếu của hai hợp đồng tổng cộng là 235.873.990 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Lương K trình bày: Bà thừa nhận có ký với Ngân hàng TMCP A hai hợp đồng tín dụng trên và còn nợ lại số tiền như Ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên hiện nay bà đang gặp hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm nên không thể thanh toán được xin được trả số nợ trên vào năm sau (tháng 6 năm 2019).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu là buộc bà K phải trả số tiền gốc còn lại của hai hợp đồng là 130.578.571 đồng (trong đó hợp đồng thẻ tín dụng là 82.186.571 đồng, hợp đồng tín dụng trả góp là 48.392.000 đồng), tiền lãi quá hạn là 29.585.906 đồng, lãi trong hạn là 4.879.333 đồng, tiền phạt chậm trả là 200.000 đồng, tiền lãi của hợp đồng thẻ tín dụng là 120.993.134 đồng, tạm tính đến ngày 01/10/2018. Tổng cộng là 286.236.944 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà K chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử, bà K phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Phía bị đơn, bà K đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Bà Nguyễn Lương K có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A do đó có cơ sở xác định giữa bà K và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự như qui định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bà K cư ngụ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đúng theo qui định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng TMCP A buộc bà Nguyễn Lương K trả cho Ngân hàng số tiền gốc của hai hợp đồng là 130.578.571 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của bị đơn có đủ cơ sở xác định rằng, bà K có ký với Ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng với số tiền vay 200.000.000 đồng. Do bà K vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng, đã vi phạm Bản các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm và Hợp đồng tín dụng trả góp đã ký kết nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn là có cơ sở.

[4] Về tiền lãi: Theo hợp đồng thỏa thuận, bà K phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng bà K không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 1,12%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đối với hợp đồng thẻ tín dụng áp dụng mức lãi suất được tính theo từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong thời điểm này là 43,5%/ năm. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 01/10/2018 của hai hợp đồng với số tiền là 155.658.373 đồng, theo các bảng kê của Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng bà K không đến tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử . Do đó căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc bà K có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.311.847 đồng, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A.

Bà Nguyễn Lương K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc của hợp đồng tín dụng là 48.392.000 đồng, tiền lãi là 34.465.239 đồng, phí phạt là 200.000 đồng; tiền gốc của hợp đồng thẻ tín dụng là 82.186.571 đồng, tiền lãi là 120.993.134 đồng. Tổng cộng là 286.236.944 (hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi bốn) đồng.Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 02/10/2018, bà K còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 14.311.847 (mười bốn triệu ba trăm mười một ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng bà K chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.896.850 (năm triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027968 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDTPHCM.
-VKSNDQGV;
-CCTHAQGV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu